

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I.2013

- Mẫu số B01-CTCK : Bảng cân đối kế toán
- Mẫu số B02-CTCK : Kết quả hoạt động kinh doanh
- Mẫu số B04-CTCK : Lưu chuyển tiền tệ
- Mẫu số B09- CTCK: Thuyết minh báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,850,368,194,519	1,577,143,615,694
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,232,815,329,102	974,317,834,558
1. Tiền	111	V.1	792,815,329,102	644,317,834,558
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2	440,000,000,000	330,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		343,638,703,273	335,383,980,437
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.3	538,238,756,771	533,916,880,180
2. Đầu tư ngắn hạn khác			-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.4	(194,600,053,498)	(198,532,899,743)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		269,681,155,557	265,184,478,845
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1,544,186,557	1,426,097,530
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.6	354,259,232,111	347,812,537,757
5. Các khoản phải thu khác	138	V.7	45,601,188,740	47,669,295,409
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.8	(131,723,451,851)	(131,723,451,851)
IV. Hàng tồn kho	140		32,378,990	109,404,200
1. Hàng tồn kho	141		32,378,990	109,404,200
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,200,627,597	2,147,917,654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,391,275,846	1,297,726,774
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1,809,351,751	850,190,880

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		59,845,967,034	57,816,690,285
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48,642,963,256	48,941,292,461
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	12,255,518,837	13,027,995,320
<i>Nguyên giá</i>	222		43,326,543,623	43,188,893,623
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31,071,024,786)	(30,160,898,303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24,594,861,423	24,915,404,872
<i>Nguyên giá</i>	228		40,703,748,376	39,889,519,151
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(16,108,886,953)	(14,974,114,279)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	11,792,582,996	10,997,892,269
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		75,000,000	75,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
<i>- Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		-	-
<i>- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		75,000,000	75,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11,128,003,778	8,800,397,824
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	183,146,762	355,540,808
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.14	10,944,857,016	8,444,857,016
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,910,214,161,553	1,634,960,305,979

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

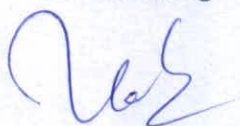
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		779,586,942,224	531,608,874,605
I. Nợ ngắn hạn		310		779,586,942,224	531,608,874,605
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.15	739,332,224	598,763,543
3. Người mua trả tiền trước		313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	1,922,604,307	739,388,443
5. Phải trả người lao động		315		47,494,903	-
6. Chi phí phải trả		316	V.17	2,904,275,407	1,289,573,354
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.18	171,948,636,551	34,844,513,148
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	V.19	601,815,206,767	492,823,168,417
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321	V.20	209,082,065	108,657,700
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322	V.21	310,000	1,204,810,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		1,130,627,219,329	1,103,351,431,374
I. Vốn chủ sở hữu		410		1,130,627,219,329	1,103,351,431,374
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		999,990,000,000	999,990,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		95,000,000,000	95,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(3,310,000)	(3,310,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		18,777,920,329	18,777,920,329
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		16,862,609,000	(10,413,178,955)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		1,910,214,161,553	1,634,960,305,979

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối Quý	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	19,165,768,237	19,165,768,237
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	2,883,568,220,000	2,883,568,220,000
Trong đó:		-	-
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	2,838,962,340,000	2,838,962,340,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	178,815,560,000	170,268,160,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	2,806,703,950,000	2,623,329,890,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	48,414,150,000	45,364,290,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	33,461,880,000	33,461,880,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	3,310,000	3,310,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	33,397,450,000	33,453,050,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	5,520,000	5,520,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	11,144,000,000	11,144,000,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	10,000,000,000	10,000,000,000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1,144,000,000	1,144,000,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	235,449,340,000	242,449,960,000
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	61,855,010,000	63,021,380,000

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 4 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I.2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		62,335,142,862	62,412,491,878	62,335,142,862	62,412,491,878
Trong đó:						-
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		22,937,814,953	14,962,962,282	22,937,814,953	14,962,962,282
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7,018,319,791	3,461,143,023	7,018,319,791	3,461,143,023
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		5,000,000	180,000,000	5,000,000	180,000,000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		385,396,326	20,250,000	385,396,326	20,250,000
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-	-	-
Doanh thu khác	01.9		31,988,611,792	43,788,136,573	31,988,611,792	43,788,136,573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		62,335,142,862	62,412,491,878	62,335,142,862	62,412,491,878
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	17,486,030,291	16,088,659,168	17,486,030,291	16,088,659,168
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		44,849,112,571	46,323,832,710	44,849,112,571	46,323,832,710
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	18,200,613,566	16,091,315,342	18,200,613,566	16,091,315,342
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		26,648,499,005	30,232,517,368	26,648,499,005	30,232,517,368
8. Thu nhập khác	31	VI.3	627,388,616	173,839,647	627,388,616	173,839,647
9. Chi phí khác	32	VI.4	99,666	681,629	99,666	681,629
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		627,288,950	173,158,018	627,288,950	173,158,018
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27,275,787,955	30,405,675,386	27,275,787,955	30,405,675,386
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		27,275,787,955	30,405,675,386	27,275,787,955	30,405,675,386
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	273	304	273	304

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27,275,787,955	30,405,675,386
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,044,899,157	2,471,414,805
- Các khoản dự phòng	03		(3,932,846,245)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		3,839,829,112	5,735,080,422
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29,227,669,979	38,612,170,613
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17,109,083,423)	(350,055,951,144)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		77,025,210	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		248,880,234,283	532,522,028,554
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		921,155,026	9,419,915
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4,741,995,777)	(5,667,719,311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		257,255,005,298	215,419,948,627
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(951,879,225)	(2,573,924,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,194,368,470	7,683,491,100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,242,489,245	5,109,567,100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Mẫu số B03 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		258,497,494,544	220,529,515,727
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		974,317,834,558	630,953,770,665
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối Quý	70		1,232,815,329,102	851,483,286,392

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 4 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B05 - CTCK

Ban hành theo TT số 162 /2010/TT-BTC

ngày 20/10 / 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	999,990,000,000	999,990,000,000	-	-	-	-	999,990,000,000	999,990,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần			-	-	-	-		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn			-	-	-	-		
Tăng vốn bằng tiền			-	-	-	-		
2. Thặng dư vốn cổ phần	95,000,000,000	95,000,000,000	-	-	-	-	95,000,000,000	95,000,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần			-	-	-	-		
Tăng vốn bằng tiền			-	-	-	-		
4. Cổ phiếu quỹ (*)	(3,310,000)	(3,310,000)	-	-	-	-	(3,310,000)	(3,310,000)
Mua lại cổ phiếu không phát hành hết			-	-	-	-		
8. Quỹ dự phòng tài chính	32,656,202,831	18,777,920,329	-	13,878,282,502	-	-	18,777,920,329	18,777,920,329
Trích lập quỹ trong năm			-	13,878,282,502	-	-		
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(89,050,702,345)	(10,413,178,955)	78,637,523,390	-	27,275,787,955	-	(10,413,178,955)	16,862,609,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn			-	-	-	-		
Phân phối quỹ			-	-	-	-		
Lợi nhuận trong năm			78,637,523,390		27,275,787,955	-		
Cộng	1,038,592,190,486	1,103,351,431,374	78,637,523,390	13,878,282,502	27,275,787,955		1,103,351,431,374	1,130,627,219,329

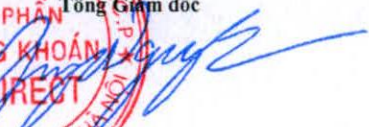
Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 4 năm 2013

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 có 271 nhân viên đang làm việc tại Công ty (số cuối năm trước là 257 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Dụng cụ quản lý	03 – 10

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 – 10 năm.

5. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

7. Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ

Là giao dịch Công ty cho khách hàng mua chứng khoán thấu chi khi tài khoản khách hàng không đủ tiền. Chứng khoán đã mua được sử dụng để thế chấp cho phần thấu chi.

8. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

13. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

14. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

15. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	-	-
Tiền gửi ngân hàng của đơn vị	190.205.673.204	151.012.079.990
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	598.785.413.214	484.436.618.541
Tiền gửi bù trừ giao dịch chứng khoán	3.824.242.684	8.869.136.027
Cộng	792.815.329.102	644.317.834.558

2. Các khoản tương đương tiền

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của đơn vị tại các tổ chức tín dụng.

3. Đầu tư ngắn hạn

Tình hình nắm giữ chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Đầu tư chứng khoán của Công ty</i>	<i>538.238.756.771</i>	<i>533.916.880.180</i>
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	538.238.756.771	519.736.880.180
+ Cổ phiếu niêm yết	254.346.915.781	233.844.791.190
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	283.891.840.990	285.892.088.990
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	-	14.180.000.000
<i>Trái phiếu Công ty</i>	<i>-</i>	<i>14.180.000.000</i>
Cộng Đầu tư ngắn hạn	538.238.756.771	533.916.880.180

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày tại Phụ lục 01- Tình hình đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	Cổ phiếu niêm yết	Cổ phiếu chưa niêm yết	Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn
	(1)	(2)	(3)=(1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)
Giá trị theo sổ sách kế toán	254.346.915.781	283.891.840.990	538.238.756.771		538.238.756.771
Giá trị theo thị trường	124.811.444.330	219.967.612.700	344.779.057.030		344.779.057.030
Số phải trích lập dự phòng cuối quý	130.675.825.208	63.924.228.290	194.600.053.498		194.600.053.498
Số đã trích lập đầu năm	134.410.690.553	64.122.209.190	198.532.899.743		198.532.899.743
Số trích lập quý này	(3.734.865.345)	(197.980.900)	(3.932.846.245)		(3.932.846.245)

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Quang Minh và Cộng sự	349.878.828	206.079.348
Công ty TNHH Tư vấn quản lý C&A	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông số VDATA		150.352.000
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	192.432.000	192.432.000
CN Công ty TNHH KT Phương Đông ICA	10.000.000	10.000.000
Công ty CP nội thất Mái Ấm Việt	222.156.000	
Các đối tượng khác	219.719.729	317.234.182
Cộng	1.544.186.557	1.426.097.530

6. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	36.533.193.276	63.588.554.925
Phải thu giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (*)	311.521.544.631	278.480.315.857
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	1.763.473.368	2.555.021.669
Phải thu lãi các ngân hàng	4.441.020.836	3.188.645.306
Cộng	354.259.232.111	347.812.537.757

(*) Công ty có quy định về thẩm quyền quyết định cho giao dịch ký quỹ, danh mục các chứng khoán được sử dụng để bảo lãnh và tỷ lệ biên tương ứng. Các quy trình, thủ tục cho phép giao dịch ký quỹ, việc quản lý giám sát đều được thực hiện trên hệ thống phần mềm.

7. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu về cho cán bộ nhân viên vay vốn	1.887.800.000	1.887.800.000
Lãi cho cán bộ nhân viên vay vốn	75.975.333	75.975.333
Phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Minh Ngân	42.784.681.332	42.784.681.332
Phải thu khác	852.732.075	2.920.838.744
Cộng	45.601.188.740	47.669.295.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Là dự phòng cho các khoản nợ khó có khả năng thu hồi. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	131.723.451.851	125.692.905.959
Trích lập dự phòng bổ sung		16.984.784.437
Hoàn nhập dự phòng		10.954.238.545
Số cuối quý	131.723.451.851	131.723.451.851

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
CCDC, đồ dùng văn phòng	462.986.545	448.872.709
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.928.289.301	848.854.065
Cộng	2.391.275.846	1.297.726.774

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.226.150.285	266.989.414
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	583.201.466	583.201.466
Cộng	1.809.351.751	850.190.880

11. Tài sản cố định

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ hữu hình</u>	<u>TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.562.794.997	32.626.098.626	43.188.893.623	39.889.519.151
Mua sắm mới	-	137.650.000	137.650.000	814.229.225
Giảm do thanh lý nhượng bán	-			
Số cuối quý	10.562.794.997	32.763.748.626	43.326.543.623	40.703.748.376
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.685.439.644	22.475.458.659	30.160.898.303	14.974.114.279
Khấu hao trong quý	598.181.939	311.944.544	910.126.483	1.134.772.674
Giảm do thanh lý nhượng bán				
Số cuối quý	8.283.621.583	22.787.403.203	31.071.024.786	16.108.886.953
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.877.355.353	10.150.639.967	13.027.995.320	24.915.404.872
Số cuối quý	2.279.173.414	9.976.345.423	12.255.518.837	24.594.861.423

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Phần mềm đặt lệnh	6.595.385.443				6.595.385.443
Tòa nhà văn phòng 90 Pasteus, Hồ Chí Minh	4.402.506.826	794.690.727			5.197.197.553
Cộng	10.997.892.269				11.792.582.996

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	355.540.808	34.571.009	206.965.055	183.146.762
Cộng	355.540.808	34.571.009	206.965.055	183.146.762

14. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	10.824.857.016	8.324.857.016
Số cuối quý	10.944.857.016	8.444.857.016

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư IPA	550.932.223	568.763.543
Các đối tượng khác	188.400.001	30.000.000
Cộng	739.332.224	598.763.543

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong quý</u>	<u>Số đã nộp trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.663.255	202.608.004	143.914.597	71.356.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên	439.257.642	1.033.118.740	1.165.725.179	306.651.203
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	287.467.546	6.475.372.844	5.218.243.948	1.544.596.442
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	22.464.623	22.464.623	-
Các khoản phải nộp khác	-			
Cộng	739.388.443	7.738.564.211	6.555.348.347	1.922.604.307

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.275.787.955	30.405.675.386
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Xử lý nợ phải thu khó đòi		
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Chênh lệch tạm thời phải tính thuế)		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.194.368.470)	(7.683.491.100)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		
Tổng thu nhập chịu thuế	25.081.419.485	22.722.184.286
Chuyển lỗ các năm trước	(25.081.419.485)	(22.722.184.286)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Lãi phải trả	902.166.665	58.666.666
Chi phí phát triển kinh doanh môi giới	1.105.278.171	672.918.658
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	580.743.745	281.863.912
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	316.086.826	276.124.118
Cộng	2.904.275.407	1.289.573.354

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	238.925.535	220.230.535
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp tại Chi nhánh	(60.193.964)	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu	33.000.000.000	33.000.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ của khách hàng	138.000.000.000	
Phải trả nhà ủy thác đầu tư tiền bán chứng khoán	135.961.129	200.309.854
Các khoản phải trả khác	633.943.851	1.423.972.759
Cộng	171.948.636.551	34.844.513.148

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán

20. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	107.861.500	107.861.500
Cổ tức các công ty khác	101.220.565	796.200
Cộng	209.082.065	108.657.700

21. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

Là các khoản nhà đầu tư nộp tiền thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm phải trả cho tổ chức phát hành chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. Doanh thu khác**

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Lãi tiền gửi	21.612.404.112	22.894.972.541
Cổ tức	2.194.368.470	7.683.491.100
Lãi giao dịch ký quỹ	8.181.710.190	13.209.289.680
Doanh thu khác	129.020	383.252
Cộng	31.988.611.792	43.788.136.573

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Chi phí môi giới chứng khoán	10.588.970.088	6.670.438.693
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	2.338.981.395	3.107.162.388
Chi phí dự phòng		
Chi phí sử dụng vốn	3.839.829.112	5.735.080.422
Chi phí quản lý danh mục đầu tư	718.249.696	575.977.665
Cộng	17.486.030.291	16.088.659.168

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Chi phí nhân viên	11.603.917.143	8.582.638.625
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.044.899.157	2.471.414.805
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	34.777.748
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.546.797.266	5.002.484.164
Cộng	18.200.613.566	16.091.315.342

4. Thu nhập khác

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Thu nhập từ thanh lý đồ dùng, công cụ dụng cụ		173.839.647
Các khoản thu nhập khác	627.388.616	
Cộng	627.388.616	173.839.647

5. Chi phí khác

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Xử lý công nợ khó có khả năng thu hồi		
Xử lý tài sản thiếu theo kiểm kê		
Chi phí khác	99.666	681.629
Cộng	99.666	681.629

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.275.787.955	30.405.675.386
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.275.787.955	30.405.675.386
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong quý	99.998.669	99.974.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	273	304

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong quý được tính như sau:

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	99.998.669	99.974.707
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong quý	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong quý	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong quý	99.998.669	99.974.707

7. Thu nhập của nhân viên

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Tổng quỹ tiền lương	9.538.738.534	8.582.638.625
Tổng quỹ tiền thưởng	0	-
Tổng thu nhập	9.538.738.534	8.582.638.625
Tổng số cán bộ nhân viên	271	225
Tiền lương bình quân/tháng	11.732.766	12.715.020

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2013

Kế toán trưởng**Nguyễn Hà Ninh****Tổng Giám đốc****Nguyễn Hoàng Giang**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

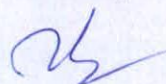
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Phụ lục số 01: Chi tiết tình hình đầu tư chứng khoán

Chỉ tiêu	Số lượng chứng khoán		Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	37,344,352	36,842,274	538,238,756,771	519,736,880,180	194,600,053,498	198,532,899,743	344,779,057,030	322,448,347,028
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	23,544,934	24,044,996	283,891,840,990	285,892,088,990	63,924,228,290	64,122,209,190	219,967,612,700	221,769,879,800
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	14,851,037	14,451,099	158,988,619,266	157,388,867,266	38,695,219,566	38,889,855,466	120,293,399,700	118,499,011,800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành	5,190,552	5,190,552	110,871,856,029	110,871,856,029	25,227,748,029	25,227,748,029	85,644,108,000	85,644,108,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Techcombank	3,500,000	4,400,000	14,000,000,000	17,600,000,000	-	-	14,000,000,000	17,600,000,000
Các mã chứng khoán khác	3,345	3,345	31,365,695	31,365,695	1,260,695	4,605,695	30,105,000	26,760,000
+ Cổ phiếu niêm yết	13,799,418	12,797,278	254,346,915,781	233,844,791,190	130,675,825,208	134,410,690,553	124,811,444,330	100,678,467,228
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	27	15	648,797	265,005	-	-	702,000	265,005
CTCP Cơ Điện Lạnh	150,007	23	3,075,656,243	351,800	195,521,843	-	2,880,134,400	381,800
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1,000,001	34,610	13,490,170,670	346,368,370	590,157,770	-	12,900,012,900	346,368,370
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Sông	3,252,100	3,252,100	108,822,020,000	108,822,020,000	93,944,690,000	94,837,990,000	14,877,330,000	13,984,030,000
Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành	3,133,277	3,133,268	55,371,248,525	55,371,184,625	32,811,654,125	37,198,230,225	22,559,594,400	18,172,954,400
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	250,016	18	4,825,371,174	349,197	125,070,374	-	4,700,300,800	372,600
CTCP Cao Su Đà Nẵng	45,014	19	1,724,217,245	458,101	-	-	1,773,551,600	488,300
CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	17	559,772	183,859	5,710,351,665	-	-	200,600	5,765,651,600
CTCP Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT	206,441	137,441	7,805,000,938	5,241,800,938	1,531,137	403,877,738	7,803,469,800	4,837,923,200
Tổng CTCP bảo hiểm Bưu điện	5,579,271	5,492,071	58,651,575,802	57,807,295,802	2,858,865,802	1,788,171,602	55,792,710,000	56,019,124,200
Các mã chứng khoán khác	183,247	187,941	580,822,529	544,345,687	148,334,157	182,420,988	1,523,437,830	1,550,907,753
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	-	200,000	-	14,180,000,000	-	-	-	14,180,000,000
+ Trái phiếu Công ty	-	200,000	-	14,180,000,000	-	-	-	14,180,000,000
Trái phiếu BIDV	-	200,000	-	14,180,000,000	-	-	-	14,180,000,000
Tổng cộng	37,344,352	37,042,274	538,238,756,771	533,916,880,180	194,600,053,498	198,532,899,743	344,779,057,030	336,628,347,028

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

